

## Phẩm 9: QUANG MINH GIÁC

- Số: “Trước chỉ gọi là đế, là biến hiện riêng v.v...”: Như nơi Phẩm Danh hiệu, Như-Lai ở đây gọi là Tất-đạt-đa v.v... Tại Thế giới Mật Huấn v.v... tên gọi thì chẳng đồng. Mười phương cũng giống như vậy. Tên gọi về đế cũng thế. Đây là một lớp biến hiện riêng.

Hai, gọi là biến hiện khắp mà chẳng phải là sự biến hiện của đế. Đế biến hiện mà chẳng được gọi là biến hiện khắp. Cho nên viết: “Gọi là đế biến hiện riêng.”

Nói: “Nay một Hội này tức biến hiện khắp pháp giới”: Kinh viết: “Như ở nơi đây thấy Phật Thế Tôn, an tọa nơi tòa Sư Tử của Liên Hoa Tạng, còn kia là tận cùng hư không, khắp pháp giới, trong cõi Diêm-phù-đề của tất cả thế giới cũng thấy Phật an tọa như thế.” Đây là tướng biến hiện chung. Đối hợp với hai cái riêng ở trên cũng có hai cái chung.

Một là Biến hiện chung các nơi.

Hai là Chủ, bạn, thời, xứ cùng đều biến hiện khắp.

Nói: “Đồng thời” tức là không có trước sau.

Nói: “Đồng xứ”: ở đây có hai xứ:

Thứ nhất : căn cứ nơi chủ, đồng tại điện Phổ Quang Minh.

Thứ hai, căn cứ nơi bạn, cùng ở nơi thế giới Kim Sắc v.v...

Nói: “Đồng chúng”: cũng có hai chúng.

Một: căn cứ nơi Phật chủ, với số Bồ tát nhiều như số vi trần nơi mười cõi vây quanh.

Hai: Căn cứ theo chúng là bạn, tức là Văn Thù v.v... chư vị Bồ tát vân tập đến, mỗi vị đều dẫn theo số Bồ tát nhiều như số vi trần nơi mười cõi Phật.

Nói: “Đồng thuyết giảng”: Tức tất cả xứ, Văn Thù đồng thời phát ra âm thanh nói kệ, cả pháp giới đều cùng thuyết giảng về mười Tín.

Nói: “Đồng biến hiện khắp”: Tức là tóm kết các phần đồng nêu trên, nghĩa là Chủ, Bạn, Thời, Xứ thấy đều biến hiện khắp.

- Số: “Bấy là biến hiện viên dung.”

Hỏi: Đây với phần sáu có gì khác nhau? Phần thứ sáu cũng gọi là sự biến hiện riêng của đế. Nay cũng nói: sai biệt mới có thể biến hiện. Phần thứ sáu cho rằng: Một Hội tức biến hiện. Nay cũng bảo: Không sai biệt, tất cả biến hiện. Hai tướng khó phân.”

Đáp: Suy xét kỹ mới thấy rõ. Trước là Tổng, Biệt (chung, riêng) đối nhau. Còn đây là Viên, Biệt (Viên dung, riêng biệt) đối nhau.

Hai chốn Biệt thì phần lớn là đồng, nhưng về Viên, Tổng thì khác với trước.

Nói: “Tổng, Biệt”: Biệt thì cõi này cõi khác mỗi mỗi đều chẳng đồng. Tổng thì chốn chốn đều đồng với một cõi ở đây. Nay nói Viên, Biệt”: Biệt tức phải có sai biệt mới có thể biến hiện. Nếu chẳng sai biệt thì chẳng thể biến hiện. Còn Viên thì chẳng cần phải sai biệt mà vẫn có thể biến hiện khắp chốn. Pháp của chủ thể biến hiện khắp chốn mỗi mỗi đều viên dung, nên gọi là “Không sai biệt”. Một biệt, tất cả biệt tức là biến hiện viên dung tất cả. Chữ tất cả ở trên là Chủ, Bạn, Xứ, Chúng, là tất cả của chủ thể biến hiện. Chữ tất cả ở dưới chính là tất cả xứ của đối-tượng được biến hiện.

Nhưng nói “Viên dung”: Một Hội tức là tất cả Hội kia, cũng chẳng phải là chốn chốn đến Hội này. Tức đây, tức kia, tức một, tức nhiều nên gọi là viên dung. Lại nữa, phần thứ sáu căn cứ nơi xứ của đối-tượng được biến hiện để luận về Tổng Biệt. Tên gọi của Đông chẳng phải là tên gọi của Tây, là cái riêng (Biệt) của đối-tượng được biến hiện.

Hội này tức Hội kia, là cái chung (Tổng) nơi xứ của đối-tượng được biến hiện. Phần thứ bảy thì căn cứ nơi chủ thể biến hiện để bàn về Viên, Biệt, nên cần có pháp của sự sai biệt thì mới có thể biến hiện khắp. Thân ấy gọi là sai biệt. Nay thì viên dung, pháp không sai biệt, tức chủ thể biến hiện nên gọi là Viên. Cái Biệt của trước như tinh tú hiện ra khắp nơi chín phương Trời. Còn cái Biệt ở đây thì như một mặt trăng hiện có nơi trăm dòng sông. Cho nên trước gọi: “Biệt thì hai xứ phần lớn đồng nhau.” Phần lớn đồng tức có “Tiểu dị”, nên cái Tổng của trước như một đám mây có mặt khắp vũ trụ. Còn cái Viên ở đây thì như mùi hương hòa hợp biến khắp một nhà. Cho nên viết là “Tổng, Viên thực sự là có khác nhau.”

- Số: “Phần thứ hai là giải-thích tên gọi của Phẩm.” Văn nơi bản Sở giải gồm hai phần:

Một: Nêu đúng tên gọi.

Hai: Từ câu: “Như từ chia ra...” tiếp xuống: Là giải-thích tên gọi.

Trong phần một, trước là chia ra, chính thức có ba lớp nghĩa bao hàm bốn cặp:

Một: Hai Quang (Thân quang, Trí quang).

Hai: Hai Giác (Giác tri, Giác ngộ).

Ba: chủ thể, đối-tượng.

Nơi nghĩa của chủ thể đối-tượng phân ra làm hai :

Thứ nhất: chủ thể, đối-tượng của hai Quang ở trên

Thứ hai: chủ thể đối-tượng của hai Giác ở dưới.

Từ câu: “Như-Lai phóng hào quang nơi Thân” tiếp xuống là phần hai, chỉ rõ riêng về Tướng của bốn đối nêu trên. Nghĩa là phân ra hai Quang đều thuộc Văn Thù cùng Phật với hai Giác phối hợp riêng với hai Quang của Thân, Trí. Nhưng trong hai Quang đều có hai lớp chủ thể đối-tượng. Tức Như-Lai phóng thân Quang là chủ thể soi chiếu. Soi chiếu sự pháp giới là đối-tượng được soi chiếu. Khiến cho Bồ tát giác tri tức là Chủ thể Giác. Nhận thức về sự không bị ngăn ngại là đối-tượng được Giác. Đối-tượng được Giác tức do soi chiếu mà được tăng trưởng thành tựu. Ở trên là Sự nơi phần văn xuôi.

Hai là Văn Thù dùng Trí quang tức chủ thể soi chiếu. Cùng soi chiếu cả Sự, Lý tức đối-tượng được soi chiếu. Khiến cho đại chúng Giác ngộ tức là Chủ thể giác. Tánh, tướng của pháp tức đối-tượng được giác. Đối-tượng được giác tức do soi chiếu mà được thành tựu, tăng trưởng, là ý của phần kệ tụng.

- Số từ câu: “Hai là hợp lại” tiếp xuống: Là hợp bốn đối nêu trên, nghĩa có năm lớp, văn có sáu chi tiết:

**Tiết Thứ nhất:**

Một: Hợp hai cảnh. Tức đối-tượng được soi chiếu ở trước. Nếu Sự, Lý không dung thông thì những cái khác đều chẳng hợp được nên trước cần nêu rõ.

Nói: “Cho nên được một Sự, tức biến hiện vô biên mà không hủy hoại tướng gốc” tức đối-tượng được giác nêu trước, nhận thức về sự không ngăn ngại.

Hai: Câu: “Thân, Trí không hai”: Là chi tiết hai, hợp hai Quang. Nêu dẫn kinh Đại Bát Niết-Bàn để làm rõ: Bồ tát Lưu Ly Quang phóng ánh sáng từ thân, đại sĩ Văn Thù bèn nói: Ánh sáng gọi là Trí tuệ. Cho nên biết hai Quang là không tách biệt. Đây là quyển thứ hai mươi mốt, kinh Đại Bát Niết-Bàn.

Ba: Từ câu: “Tri, Ngộ chẳng khác”: Tiếp xuống: Là hợp hai Giác. Tức là ở trước nói Thân quang tỏa chiếu. Văn Thù v.v... giác tri hào quang của Như-Lai tỏa chiếu nơi cõi của mình. Nhưng Văn Thù v.v... giác tri là cái Tri của không Tri, nên gọi là cái tri của Tâm ngộ. Tri sự tức là Lý là hợp hai giác (Giác tri, Giác ngộ). Chẳng giống như hàng phàm phu v.v... chấp giữ nơi Tướng của Sự, Lý.

Bốn: Câu: “Lại, hai Quang này không khác với Cảnh của Giác”: Tức là hợp chủ thể, đối-tượng. Hai thứ chủ thể đối-tượng trong một lúc

cùng hợp nhau, tức chủ thể soi chiếu, đối-tượng được soi chiếu, chủ thể giác, đối-tượng được giác, đều là Tánh dung thông, nên nêu lên một là gồm thấu hoàn toàn.

Năm: Câu: “Ba thứ viên dung ấy chính là pháp giới vô ngại” là dung hợp chung cả ba điều nêu trên. Ở trên tuy bốn đối mà Thể chỉ có ba. Tức là Quang của chủ thể Giác, Cảnh của đối-tượng được soi chiếu, Giác của đối-tượng được thành tựu, sáu pháp của ba đối nêu lên một thì gồm thấu hoàn toàn là một Pháp giới.

Trên đây là năm lớp đã hợp xong.

Sáu: Từ câu: “Tuy bình đẳng, dứt tuyệt Tướng” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về tên gọi của Phẩm. Ở trên chia ra nhiều là căn cứ nơi Tướng, hợp lại nhiều là căn cứ nơi Tánh. Tức chia ra, tức hợp lại, không hủy hoại Tánh tướng, nên gọi là Quang Minh Giác.

- Số: “Lại, giải-thích tên gọi cùng là nêu tông chỉ của Phẩm.”: Là xác lập tên gọi theo chỗ nơi tông chỉ. Là ý nối tiếp biện giải chỗ sâu xa của ý. Cho nên đại sư Hiền Thủ đã cho chỗ giải-thích tên gọi này là tông chỉ của Phẩm, cho phần ý nối tiếp ấy là chỗ sâu xa của ý.

- Số: “Thứ tư là giải chỗ nghi cho vấn nạn”: Văn có ba lớp:

Một: Nêu ra chỗ nghi do vấn nạn. Quang lúc nào thì phóng ra, dừng lại? Từ câu: “Nếu nêu giảng gọi là đế” tiếp xuống: Là dựa theo dấu vết để bàn rộng về vấn nạn. Trong phần đáp lại thì đầu tiên là chỉ rõ sự quyết đoán ở trước đối với chỗ nghi.

Từ câu: “Chính hai Phẩm trước” tiếp xuống: Là phần hai, vì đây mà giải-thích chỗ vấn nạn. Nghĩa là hai Phẩm trước chưa cần phóng hào quang, nên trước chẳng nêu rõ. Trong phần này là khởi đầu cần thiết nên mới nêu bày. Bồ tát ở đây là nhắc lại phần trước, nên mười phương ở trước mỗi mỗi đều thuyết giảng riêng, còn ở đây thì cùng nhắc lại.

Hai: Từ câu: “Quang chiếu trăm ức” tiếp xuống: Là chỉ nêu vấn nạn mà không nghi.

Ba: Câu: “Lại nghi rằng: Phần ánh sáng tiếp sau đã tận cùng Pháp giới”: Là chỉ nghi mà không nêu vấn nạn. Chỉ nghi là thế giới Kim Sắc ở chốn nào, nên cho là chẳng quyết đoán. Ý nghi cho rằng: “Cõi này phóng quang mà cõi Kim Sắc v.v... cách cõi đây đều mười cõi Phật. Nay nếu Phật chủ phóng quang tỏa chiếu đến phương Đông nơi mười cõi Phật tức là cõi của Bồ tát Văn Thù với số Bồ tát cùng đi theo từ cõi ấy. Nếu hào quang lại tỏa tới mười cõi nơi phương Đông, thì thế giới Kim Sắc chính ở tại phương Tây của chốn phóng quang. Chính phương cũng giống như thế. Cho nên nói: “Thế giới Kim Sắc lại ở nơi nào?”

Chỉ nêu lên phương thứ nhất để đối chiếu chín sắc cũng giống như vậy.”

Từ câu: “Cõi hiện tại” tiếp xuống: Là phần đáp lại. Ý của phần đáp cho rằng: “Cõi chủ phóng quang hướng về phương Đông, thì mười cõi khác kia trong một lúc cùng hướng tới phương Đông. Cõi chủ như là bầu giữa các bánh xe. mười phương như thế giới Kim Sắc v.v... thì giống như tâm xe và vành bánh xe. Bầu giữa của bánh xe quay, di động thì tâm và vành xe cũng chuyển động theo.” Nên phần tiếp sau của Kinh Hoa Nghiêm có đoạn: “Tận cùng cõi hư không của Pháp giới, tất cả thế giới đều có trăm ức cõi Diêm-phù-đề với tất cả Như-Lai cũng an tọa như thế. Đều do thần lực của Phật nên mười phương đều có một vị đại Bồ tát với số Bồ tát cùng đi theo từ cõi ấy như thế giới Kim Sắc v.v... Như hướng về phương Đông đã vậy, biến hiện nơi chín phương còn lại cũng thế. Cho nên chủ cùng với bạn trong một lúc cùng biến hiện. Đã biến hiện khắp pháp giới thì phần chung là thế giới Sa-bà. Biến hiện khắp pháp giới đều là thế giới Kim Sắc. Cũng biến hiện khắp pháp giới đều là thế giới diệu sắc, tức mười sắc đều biến hiện. Vả như dựa nơi Hội này thì các Hội còn lại cũng biến hiện. Như đã bàn trong phần Huyền đàm.”

***Phần thứ năm là giải-thích văn:***

- Số: “Trí luận quyển thứ chín nói: Từ nơi mặt dưới bàn chân phóng quang”: Thân có được nơi chốn an trụ nên gọi là ở chỗ bàn chân. Tức Luận ấy quyển thứ chín giải-thích Kinh: “Từ nơi Tướng bánh xe có ngàn tám nơi mặt dưới bàn chân phóng ra sáu trăm vạn ức hào quang, biểu thị cho việc giảng nói về sáu độ.” Nghĩa có hai ý: Đây là ý thứ nhất, ý thứ hai cho rằng: “Lại nữa, trong một thân tuy đầu là quý mà chân thì thấp kém. Phật chẳng tự quý, hào quang chẳng vì sự lợi dưỡng. Do đó ở nơi chỗ thấp kém phóng quang.” Ý kinh này đã căn cứ nơi giáo tướng nên nêu ra sự giải-thích ấy. Nay văn căn cứ chỗ biểu hiện, nên chẳng chính thức sử dụng. Tức là nghĩa thứ hai: Hết sức thấp kém, nhỏ nhất, nên đã thâm tóm.

- Số: “Thứ hai là ánh sáng đi đến chỗ sai biệt, giới hạn.” Văn nơi bản Số giải gồm có ba phần:

Một: biện minh ánh sáng đi đến chi tiết, số lượng.

Hai: Từ câu: “Nhưng chẳng phải nhiều” tiếp xuống: Là phân biệt rõ chẳng phải là ba, mà chỉ là một.

Ba: Hiển bày chỗ chính. Phần này gồm ba:

Thứ nhất: chính thức làm rõ hào quang duy nhất tức thì tỏa

chiếu.

Thứ hai: Từ câu: “Tùy theo căn cơ, tâm hiện” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vấn nạn. Vấn nạn nêu: “Đã một lúc tức thì tỏa chiếu, thì sao có hai mươi sáu chi tiết?”

**Giải-thích:** Tùy theo căn cơ mà nhận thấy.

Thứ ba: Từ câu: “Ở nơi Phật, Văn Thù” tiếp xuống: Là nhận định, phân biệt để tránh sự lẫn lộn. Lẫn lộn như thế nào? Trong phần trên, giải-thích chỗ vướng mắc, vẫn có ba đoạn :

Một: Tùy căn cơ, với phương tiện, theo thứ lớp nhận thấy.

Hai: ánh sáng theo thứ lớp tỏa chiếu

Ba: Văn Thù theo thứ lớp đi đến.

Như nơi đoạn thứ nhất, căn cơ trong một trăm ức, tức chẳng phải căn cơ trong một trăm thế giới. Căn cơ trong trăm thế giới thì chẳng phải là căn cơ trong một trăm thế giới. Tức Văn Thù, Như-Lai ứng hiện trong đoạn thứ nhất chẳng phải là Văn Thù, Như-Lai trong đoạn thứ hai.

Nay giải-thích cho rằng: chính căn cơ trong đoạn thứ nhất theo thứ lớp lãnh hội, cùng chẳng phải là sau đấy, cả hai theo thứ lớp đều biến hiện. Như thứ nhất, Phật phóng quang khắp tam thiên, tức là lần thứ hai, cho đến hào quang biến hiện khắp pháp giới. Văn Thù cũng thế. Chính là biến hiện nơi đoạn thứ nhất. Văn Thù thì biến hiện khắp pháp giới.

Nói: “Mà theo thứ tự lớp nhận thấy”: chính là do cơ cảm, nên nói: “Trăm dòng sông đều thấy”. Căn cơ lại có sai biệt. Nếu chưa hội nhập với pháp giới thì theo thứ lớp chẳng giống nhau. Đã hội nhập nơi pháp giới thì đều như Văn Thù với các chi tiết tức thì nhận thấy.

- Sớ: “Luận Câu Xá nói: bốn châu lớn, mặt trời, mặt trăng v.v...”: Văn đoạn này dễ lãnh hội, thì đều dụ để làm rõ. Một Tiểu thiên thế giới như một ngàn đồng tiền. Một Trung thiên thế giới như một ngàn râu tiền (gồm một ngàn đồng tiền). Đại thiên thế giới như một ngàn lần một ngàn râu tiền. Nhưng chỉ chọn nơi cõi Sơ Thiên để tính, từ cõi đấy trở lên thì không nói. Nếu nêu từ cõi Nhị Thiên trở lên thì chẳng giống với “Một thành hoại”. Chỗ bị hủy hoại bởi Hỏa tai chỉ ở nơi cõi Sơ Thiên. Cho nên Luận Chánh Lý quyển thứ ba mươi nói: Các cõi Trời như Tiểu Quang v.v... chẳng phải là chỗ thâm tóm của Tiểu thiên thế giới. Tập hợp Tiểu Thiên là Trung Thiên. Tập hợp Trung thiên là Đại thiên, cũng không thâm tóm cõi kia.

- Sớ từ câu: “Kinh Trường A-hàm quyển thứ mười tám, Tạp A-hàm quyển mười sáu” tiếp xuống: Là phần hai, so sánh chỗ đồng nơi phần văn còn lại. Tiếp sau là dẫn hai kinh (Trường A-hàm, Tạp A-hàm)

và bốn Luận. Đầu giống với Luận Câu Xá đã nêu. Luận Câu Xá là quyển thứ mười một. Luận Du Già là quyển hai, Trí luận là quyển thứ mười một. Luận Tạp tập là quyển sáu, Luận Hiển Dương là quyển thứ nhất.

- Sớ: “Nhưng Luận Hiển Dương, quyển thứ nhất nêu rõ chỗ hủy hoại của ba tai họa lớn nơi Tam thiên thế giới”: Tức là ý của tác giả sách San Định Ký (đại sư Tuệ Uyển). Câu trên là văn của Luận, nên theo như Luận giải-thích về tam thiên thế giới. Ý nói: chỗ hủy hoại của ba tai họa lớn nơi Tam thiên như thế, đó là tai hỏa do nước, lửa và gió.

Từ câu: “Cho nên biết từ cõi Sơ Thiên”... trở xuống: Tức tác giả sách San Định Ký dùng ý mình để giải-thích. Nghĩa là cho tai họa do lửa hủy hoại cõi Sơ Thiên. Tai họa do nước hủy hoại cõi Nhị Thiên. Tai họa do gió hủy hoại cõi Tam Thiên. Cho nên biết rõ, nói Tiểu thiên là chỉ kể đến Sơ Thiên. Nếu nói về Trung Thiên tức kể ra cõi Nhị thiên, do Nhị Thiên dung lượng bằng Trung thiên. Nếu kể về Đại thiên tức tính cho Tam Thiên, vì Tam Thiên dung lượng như Đại Thiên. Tức rõ có trăm ức cõi Sơ Thiên, có trăm vạn cõi Nhị Thiên, một ngàn cõi tam thiên, chỉ một cõi Tứ Thiên. Nhưng nếu nói về lượng tức là ước đoán, chỗ nêu dẫn văn để chứng minh cho nghĩa thì chẳng thành. Do nói Tam Thiên đều thuận hợp với sự hủy hoại của ba tai họa. Như Trung thiên cho là thuộc nơi Nhị Thiên, nhưng Nhị Thiên thì tai họa của lửa không hủy hoại. Do đây nghĩa chính như trước đã dẫn Luận Câu Xá, Luận Chánh Lý để giải-thích.

- Sớ: “Như Kinh Kim Quang Minh nói rõ về cõi Phi Tưởng”: Kinh viết: “Các vị Nhân vương ấy lúc tay bưng lò hương giờ cao lên để cúng dường kinh, hương này tỏa khắp, trong khoảng một niệm, biến hiện đến cả Tam thiên đại thiên thế giới với trăm ức mặt trời mặt trăng, cho đến trăm ức cõi Trời Phi Phi Tưởng.”

Nói: “Nay dựa nơi hai kinh”: Tức Kinh Kim Quang Minh cùng với văn của kinh này (Kinh Hoa Nghiêm). “Căn cứ theo chỗ có xứ sở” thì chỉ đến tận cùng cõi Sắc. Nếu căn cứ nơi cõi tổng quát thì pháp biến hiện khắp bốn cõi Không. Bốn cõi Không không xứ nên theo xứ mà được quả. Như tại cõi dục đạt được “Định Vô sắc”, tức ở nơi cõi Dục mà thọ nhận quả báo, không có xứ riêng thâm tóm ở hai cõi, nhưng đều thông hợp với hai mươi tám cõi Trời. Như thế thì cùng với các Kinh, Luận làm sao để lãnh hội giải thích?

Ý cho rằng: Như Nhị thiên chỉ nêu rõ về lượng cùng với Tiểu

thiên giới. Một cõi Tam Thiên dung lượng bằng dung lượng của Trung thiên. Một cõi Tứ thiên dung lượng bằng dung lượng Đại thiên, Tam thiên như thứ lớp, trên là phần che chở cho dưới. Ví như mây mùa hạ phủ khắp chín châu. Nếu dùng châu để chọn lấy thì có chín đám mây. Nếu dùng quận để chọn lấy thì có hơn bốn trăm đám mây. Còn như dùng Huyện để chọn lấy thì hàng ngàn số cũng chưa là nhiều. Hoặc nói một đám mây phủ khắp muôn nước. Hoặc nói muôn nước đều có mây mùa hạ. Suy xét thì có thể nhận biết.

- Số: “Luận Câu Xá nói: bên bờ ao A-nậu-đạt có cây gọi là Thiệm Bộ”: Tức là nơi quyển thứ mười một của Luận giải-thích về “Ao vô Nhiệt”, ý cho rằng ở bên cạnh ao ấy có rừng Thiệm Bộ, cây đó hình tướng cao lớn, quả thì ngọt đẹp. Dựa nơi tên rừng nên gọi là Châu Thiệm Bộ. Hoặc dựa theo quả cây ấy để lập hiệu của châu. Luận lại không giải-thích. Có ý kiến cho rằng: “Do Châu này phía nam thì hẹp, phía bắc thì rộng. Còn lá của cây kia phần đầu lớn, phần sau nhỏ, giống với châu này.” Chưa thấy có chỗ giải-thích.

Hoặc như Luận Lập Thế A Tỳ đàm nói: “Cây ở về phía nam châu ấy.”

Cù da-ni cũng gọi là Cù-đà-ni. Cù tức là Ngưu. Đà Ni là Hóa. Bắc châu cách dịch mới gọi là Câu Lô; các châu còn lại có thể nhận biết.

- Số: “Nếu dùng số nhỏ để tính kể thì có muôn ức.”: Số nhỏ tức là bậc thấp, biến chuyển theo mười mười. Nghĩa là mười Tiểu thiên là vạn, trăm tiểu thiên là ức, ngàn tiểu thiên là Trung thiên. Đã có mười ức. Lại một ngàn trung thiên là một Đại thiên. Một ngàn Trung thiên tức đã có một ngàn lần mười ức. Cho nên gọi là vạn ức.

- Số: “Nay căn cứ nơi số trung”: Nghĩa là từ ngàn trở lên mới biến chuyển theo trăm trăm. Tức trăm tiểu thiên mới là một vạn, ngàn lần tiểu thiên là trung thiên, mới là mười vạn. Mười lần trung thiên mới là trăm vạn, mới là một ức. Đã mười Trung thiên là một ức, thì nay có một ngàn lần Trung thiên nên có trăm ức.

Từ câu: “Cho nên Đường Tam Tạng” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Đã dịch trăm ức là trăm câu chi. Câu chi là giữ lấy âm tiếng Phạm, ức là nói ngôn ngữ Trung Hoa. Hai nghĩa như nhau.

Tiếp theo dẫn ý kiến của đại sư Viên Trắc (613-696) nói về ba thứ câu chi để làm rõ trăm ức là trăm câu chi. Nói: Hoặc đến số trăm tức là Tam thiên có trăm ức là nghĩa đó vậy. Do ngàn vạn là câu chi hoặc đến số ngàn tức lấy trăm vạn làm câu chi nghĩa là lấy số nhỏ để đếm. Trung thiên có trăm vạn lần Tiểu thiên mới là một ức. Nay Đại thiên có một



ngàn Trung thiên nên là ngàn ức. Hoặc đến trăm vạn tức lấy mười vạn làm một câu chi. Cho nên trung thiên đã có trăm câu chi và ngàn lần Trung thiên mới là Đại thiên thì Đại thiên có đến trăm trăm ngàn câu chi vậy. Tam tạng dịch ngàn vạn ấy là câu chi nên Tam thiên có một trăm câu chi; câu chi tức là ức.

- Số từ câu: “Lại dựa theo Luận Câu Xá” tiếp xuống: Là phần ba, lãnh hội theo hướng dung hợp về chỗ bất đồng của câu chi.

Nói: “Luận Câu Xá dịch Lạc xoa là ức”: cũng là nơi quyển thứ mười một, giải-thích về Thủy luân, viết: “Tiếp theo, phần trên Thủy luân sâu mười một ức hai vạn, phần dưới là tám Lạc xoa nước, phần còn lại ngưng kết thành vàng.” Câu đầu, theo cách nói của đời Đường gọi là: Mười một ức hai vạn do tuần. Câu sau, theo Phạm ngữ nói là : phần dưới là tám Lạc xoa nước, tức tám ức do tuần là nước, ba ức hai vạn do tuần là vàng. Cho nên biết Lạc xoa là ức. Phần sau nơi Phẩm A-tăng-kỳ có đoạn: “Một trăm Lạc xoa là một Câu chi.” Tức nghĩa của câu chi tương đương với một triệu. Là do câu chi có ba thứ. Tức Luận Câu Xá nói Lạc-xoa gọi là ức, chính là mười vạn gọi là ức. Phần dưới nói: “Một trăm Lạc-xoa là một câu-chi” thì chính một ngàn vạn là ức.

- Số: “Căn cứ nơi môn vi tế thì ba đời dung thông”: Tức trong một tức thì gồm đủ tất cả các pháp, cùng hiển bày rõ rệt, gọi là môn vi tế. Cho nên nói trong một tướng gồm đủ bảy tướng còn lại (tám tướng). Như ở nơi “Thai mẹ”, tức có đủ bảy tướng kia. Nay, trong tướng thành Chánh giác cũng gồm đủ bảy tướng còn lại.

“Cho nên nói ba đời dung thông”: cũng tức là Huyền môn “Thập thế cách pháp dị thành”: Thọ sinh là quá khứ, Bát Niết-Bàn là vị lai.

Số: “Cũng chẳng phải chủ thể soi chiếu là Báo thân” : Là phân biệt để tránh lẫn lộn về giải-thích. Phần này có thể nhận biết.

Nói: “Hai cái ấy chẳng cùng nhau”: Nơi Báo thân thấy Hóa thân.

Thấy Hóa thân chẳng thấy Báo thân, chẳng phải có nghĩa là Báo, Hóa cùng hiện.

- Số: “Chẳng phải là nhiều xứ đều riêng có Hội”: cũng là nhằm phân biệt để tránh sự lẫn lộn, sợ có người hiểu lầm. Nếu nhiều xứ có Hội, giống như mười người là Hội, mười Hội ở trong một phòng, một ngọn đèn chiếu sáng rõ, khiến mọi người tức thì nhận thấy mười Hội với một trăm người. Nay thì chẳng cho là như thế. Một Hội biến hiện khắp tất cả xứ. Như nơi một căn phòng treo cái giường gồm một trăm mặt, trong phòng ấy có mười người cùng làm một Hội thì trong một trăm giường có

một trăm Hội. Suy xét thì có thể nhận biết.

- Số: “Nói Văn Thù của tất cả xứ, lược bàn rộng về ba nghĩa.”: Thứ nhất, căn cứ nơi văn, tức là do ứng hợp theo căn cơ, khiến trong dòng sông, một lúc đều thấy mặt trăng.

Nói: “Mỗi mỗi đều nói kệ của chính đoạn ấy”: Như trong “Trăm ức” nói kệ: “Như thấy bậc chánh giác.” Trong đoạn thứ hai cùng nói kệ: “Chúng-sanh không trí tuệ.” Nhưng có bốn câu:

Một: Tất cả xứ, Văn Thù cùng nói một kệ, là Tất cả tức một.

Hai: chỉ một Văn Thù nơi mười đoạn nói kệ, là một tức tất cả.

Ba: Đều ở nơi chỗ Phật. Tức một chính là một.

Bốn: các xứ, Văn Thù đều nói kệ chẳng đồng. Tức là tất cả trong tất cả.

- Số từ câu: “Hai là, một Văn Thù từ một xứ nơi phương Đông đi đến” tiếp xuống: Là phần hai, giải-thích căn cứ nơi nghĩa. Lại nói về đức thật kia. Như mặt trăng của khe nước trước, tức là của khe nước sau, cùng mặt trăng nơi ngàn suối trăm sông, hoàn toàn nhập nơi khe nước trước. Sở dĩ như thế là vì mặt trăng của tất cả xứ không lìa nơi mặt trăng gốc. Mặt trăng gốc thì hiện nơi khe, tức ngàn xứ cùng hiện.

“Thứ ba là căn cứ nơi pháp biểu hiện”: Văn Thù là chủ nơi Bát-nhã môn. Nếu căn cứ theo “Quán chiếu Bát-nhã” thì trí thấu rõ muôn cảnh thì không gì không là Bát-nhã. Như ánh sáng mặt trời tỏa khắp bầu trời thì không vật gì là không được soi chiếu. Còn căn cứ theo “Thật tướng Bát-nhã” thì không pháp nào không phải là Thể của Thật tướng, nên không gì là không Bát-nhã. Cũng như nước hoàn toàn biến hiện khắp sóng, không sóng nào chẳng phải là nước. Kinh đại Bát-nhã có đoạn: “Bát-nhã Ba-la-mật-đa thanh tịnh nên sắc thanh tịnh. Sắc thanh tịnh nên Trí Nhất Thiết Trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bát-nhã Ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc Sắc thanh tịnh, hoặc Trí nhất Thiết trí thanh tịnh là không hai, không hai phần, không riêng, không đoạn.” Là chung nơi Quán chiếu và Thật tướng.

Hai là chính thức hiển bày kệ.

- Số: “Nhưng Quán nhờ nơi Lý mà thành.”: Do Đại sư Hiền Thủ, đối với đoạn trên có hai ý, đều có nhận xét riêng về văn:

- Một: Căn cứ nơi Cảnh để hiển bày Lý: Trong mười kệ được phân làm ba:

Thứ nhất: Một kệ, biểu thị Pháp vượt quá tình.

Thứ hai: Tám kệ, hợp Sự quy về Lý.

Thứ ba: Một kệ, Sự như Lý dung thông. Thành một Hội nêu trước

tức tất cả Hội cùng với Sự không bị ngăn ngại.

- Hai: Căn cứ nơi Tâm khiến dứt tuyệt mọi nhận thức kiến chấp: Dựa vào đấy để giải-thích kinh, mười kệ được chia làm sáu:

Thứ nhất: Hai Tụng đầu tụng về Phật phóng quang khiến lìa bỏ kiến chấp.

Thứ Hai: Một Tụng hợp với chỗ soi chiếu của hào quang ở trước để làm rõ việc lìa bỏ kiến chấp.

Thứ ba: Có ba Tụng, hợp với chỗ hiển bày pháp hội gốc v.v ở trước để biện minh việc lìa bỏ kiến chấp.

Thứ tư: Có hai Tụng, hợp riêng với đại chúng là các Bồ tát để làm rõ việc lìa kiến chấp.

Thứ năm: Một tụng, hợp với đối-tượng được soi chiếu là chúng-sanh.

Thứ Sáu: Một Tụng sau cùng nêu rõ nguyên do chỗ biến hiện khắp chốn của pháp hội trước.

Nay ý nơi bản Sở giải nêu rõ, chẳng phân làm hai phần mà hợp thành một cách giải-thích: Hiển bày Lý và lìa bỏ kiến chấp, hai nghĩa cùng thành tựu nên nêu chung về nguyên do. Gọi là: “Quán nhờ nơi Lý mà thành”: Nếu không thấy Lý thì chẳng thành quán chiếu. “Lý do nơi quán mà hiển bày.” Tức chẳng đạt được Quán chiếu thì sao có thể lãnh hội Lý? Lý không có hưng phế, hoằng dương lý do nơi người, nên quán thành khế hợp với Lý. Các thứ kiến chấp tự mất nên hợp làm một cách giải-thích, đều có đủ nghĩa hiển bày Lý, phá bỏ kiến chấp. Mỗi mỗi đầy đủ nơi hai ý riêng cách:

Kệ đầu là nghịch làm sáng rõ việc trái với Lý, dấy khởi kiến chấp là sai lầm phát sinh.

Chín kệ sau là thuận, biện minh lãnh hội Lý thì hiển bày mà kiến chấp được dứt bỏ.

- Sở: “Gốc không có vương mắc thì ai là không vương mắc” Như dùng keo nhựa bầy chim dán vào nơi người thì có trường hợp dính, trường hợp chẳng dính. Hư không thì chẳng dán được thế ai là chẳng vương mắc nơi keo dán trong hư không?

- Sở: “Tình hết Lý hiển hiện tức gọi là làm Phật”: Đây là thuận theo Thiền Tông, tức “Sự Lý vô ngại môn”. Căn cứ theo “Phổ Hiển môn” thì chính là Hoa Nghiêm tức “Sự Sự vô ngại môn”. Theo tính chất hành bố mà nói, thì đây là bước đầu tiên của ngàn dặm.

- Sở: “Cũng hiển bày hào quang với chốn được soi chiếu để làm rõ việc lìa bỏ kiến chấp”: Trên là căn cứ nơi chỗ biện minh chung. Còn

nay thì căn cứ nơi chỗ nêu bày riêng. Khiến lia bỏ vọng động tức là phá bỏ kiến chấp. Biết rõ chân pháp giới là chẳng ứng hợp với động, tức là hiển bày Lý.

Câu này xuất xứ từ nơi kinh đại Bát-nhã, phần Mạn Thù Thất Lợi. Kinh viết: “Nếu Bồ tát bất động đối với pháp giới, biết rõ pháp giới chân thật chẳng ứng hợp với sự dao động, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể lý luận. Như thế thì mới có thể hội nhập nơi tất cả tướng.”

Nói: “Chẳng động mà thấu tỏ nên thành Thắng trí”: câu này nói về lợi ích của sự Quán chiếu. Các kệ tuy đồng, đều là đức sai biệt của quả vị Phật, mà đều cùng với tướng của Quán thuận hợp, nên gọi là “Chẳng động mà thấu rõ”, dùng để giải-thích sẽ thành Thắng Trí.

- Sở từ câu: “Ngã tức là Pháp tánh, lại còn chẳng chứng nhập” tiếp xuống: Là giải-thích câu: “Bình đẳng tức không còn có chủ thể đối-tượng nên gọi là vô trụ” ở trên. Nhưng có hai ý:

Một: Hai câu trên nêu rõ Tánh duy nhất chẳng phân, nên không có chủ thể-đối-tượng. Cũng như một ngón tay chẳng thể tự tiếp xúc với ngón tay ấy.

Hai: Câu: “Pháp tánh là Vô tánh nên chỗ hội nhập là cái gì”: Nêu rõ về Tánh không, nên không có chủ thể nhập, đối-tượng được nhập. Cũng như hư không chẳng trụ nơi hư không.

Đây cũng là ý nơi kinh đại Bát-nhã, phần Mạn Thù Thất Lợi.

**Kinh nêu:** “Phật nói với Văn Thù: Ông ở nơi Phật Pháp há chẳng hưởng cầu? Văn Thù thưa: Thế Tôn! Con nay chẳng thấy có pháp nào chẳng phải là Phật pháp, vậy hưởng cầu về chỗ nào?”

**Giải-thích:** Đây tức là ý về Tánh duy nhất.

Phần tiếp theo, Phật hỏi: “Ông ở nơi Phật pháp đã thành tựu được gì? Văn Thù đáp: Con hoàn toàn chẳng thấy Pháp nào có thể gọi là Phật pháp, vậy thành tựu ở chỗ nào?”

**Giải-thích:** Đây tức là ý về Tánh không.

Tiếp theo Phật lại nói: “Ông há chẳng đạt được tánh không chấp trước sao? Văn Thù đáp: Ngã tức là không chấp trước. Há Tánh không chấp trước lại đạt được không chấp trước?”

**Giải-thích:** Tức như nay Số giải viết: “Ngã tức là Pháp tánh, lại còn chẳng chứng nhập.”

- Sở từ câu: “Cho nên nơi kinh đại Bát-nhã, phần Văn Thù có đoạn” tiếp xuống : Là dẫn chứng. Trước là sử dụng ngầm hai ý, nay thì hiển bày chứng minh về vô trụ. Đó là văn nơi kinh ấy, phần tiếp sau.

- Sở: “Trí luận đáp: bình đẳng tức là Tam bảo”: Tức nơi quyển

thứ tám mươi lăm của Luận, cũng là văn của kinh: “Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi Phật: Nếu không sai biệt thì sao có Tam bảo? Phật đáp: Tức văn nơi bản Sở giải đã dẫn.”

- Sở từ câu: “Lại như kệ thứ ba nêu trên” tiếp xuống: Là gồm sáu bốn kệ trên thành một, là pháp môn Bất nhị. Tức nơi Kinh Tịnh Danh, Bồ tát Tịch Thiện Căn nói: “Phật, Pháp, Tăng là hai. Nhưng Phật tức là Pháp, Pháp tức là Tăng. Tam Bảo ấy đều là tướng vô vi, cùng như hư không. Tất cả các pháp cũng như thế. Có thể theo đây mà hành hóa là hội nhập pháp môn Bất nhị.”

- Sở: “Phần Kinh tiếp sau nói: Vô thượng Ma-ha-tát xa lìa tướng về chúng-sanh”: Tức nơi quyển thứ mười sáu Kinh Hoa Nghiêm, kệ của Bồ tát Vô thượng Tuệ, nửa sau có câu:

*“Không gì có thể hơn  
Nên hiệu là Vô thượng.”*

Nay vô sinh có thể bị hủy hoại, tức là lìa bỏ tướng về chúng-sanh.

- Sở từ câu: “Nghĩa là một cùng với nhiều” tiếp xuống: Trên là nêu lên hai môn. Nay chính là dùng chỗ tương do của duyên khởi để giải-thích môn “Nhất đa tương dung”. Trong đó, ý chính nói, phàm là đối-tượng được nhận biết, đối-tượng được dấy khởi thì không có lực. Còn chủ thể nhận biết, chủ thể dấy khởi tức là có diệu lực. Đã diễn rộng như phần Huyền đàm.

- Sở từ câu: “Do duyên khởi ấy” tiếp xuống: Là tóm kết để phá bỏ kiến giải của Tịnh Pháp (đại sư Tuệ Uyển). Kiến giải ấy cho rằng: “Kệ này giải rõ về “Một nhiều bình đẳng”. Nghĩa là hiểu nhiều do một khởi, rõ một do nhiều sinh. Không một thì chẳng thành nhiều, không nhiều thì cũng không một. Rõ của một nhiều kia cùng do sinh khởi, niệm về một nhiều dứt hẳn thì một nhiều cùng bình đẳng. Đây là hợp sai biệt qui về tánh bình đẳng. Lý Sự vô ngại, chẳng phải là Sự Sự vô ngại. Cho nên suy xét kỹ nơi văn kia, chớ giải-thích lầm lẫn!”

**Giải-thích:** Văn nơi bản Sở giải nêu ra là ý của đại sư Hiền Thủ. Tịnh Pháp đã phá bỏ ý kiến của Thầy, cho rằng đó là giải-thích nhầm lẫn. Nay tóm kết chỉ rõ đây tức phù hợp với một trong nghĩa lớn có từ trước. Ý của Tịnh Pháp nói: Là Lý Sự vô ngại, tức do đối chiếu với các kệ trước phần nhiều căn cứ nơi hợp Sự qui về Lý. Hết thấy bình đẳng thì loại trừ các kiến chấp, nên chẳng hợp là Sự Sự vô ngại.

Nay trước hết là nêu ra ý gốc của kệ này. Nói: “Do duyên khởi ấy thành bình đẳng nêu trước”: Trên nói: “Hội gốc” tức trụ nơi không



chốn trụ. Sự tập hợp mới thì nhập vào không chỗ nhập đều là nghĩa bình đẳng. Do đâu mà ở đây được gọi đều bình đẳng? Chính là do duyên khởi hỗ tương mà nên. Vả như Hội gốc cùng với Hội của sự tập hợp mới nơi mười phương kia cùng thành do nhân-duyên khởi. Hội gốc có mười phương, mười là đối-tượng được duyên khởi. Đối-tượng được duyên khởi không có Thể, tức là do nhân của Hội gốc, mười phương nói về Hội gốc, nên gốc là đối-tượng được khởi. Đối-tượng được khởi không lực nên nhập vào mười phương. Do duyên khởi thành tất cả đều bình đẳng nêu trước. “Do bình đẳng nêu trước mà thành duyên khởi ấy” tức là một có định tánh thì chẳng do nơi nhiều. Nhiều có định tánh thì chẳng do nơi một. Nay thì do một không định tánh, nhờ nơi nhiều mà dấy khởi. Nhiều không định tánh, do nơi một mà phát sinh. Cho nên do nghĩa của bình đẳng Vô tánh mới thành duyên khởi. Nếu có một có thể là một thì đấy là một của tự tánh. Nếu có nhiều có thể là nhiều thì đấy là nhiều của định tánh. Nếu là nhiều của định tánh thì nhiều ấy chẳng nhân nơi một. Nếu là một của định tánh thì một ấy chẳng nhân nơi nhiều. Nay do nhiều nên là một thì một ấy chẳng tự là một. Nay do một nên là nhiều thì nhiều ấy chẳng tự là nhiều. Nhiều chẳng tự là nhiều thì cái nhiều ấy là không lực. Một ấy chẳng tự là một thì một này cũng không lực. Không lực tùy theo có lực, một nhiều thấu hỗ tương, nên tùy theo Phật hội tức tất cả Phật hội. Hết thấy Hội của Pháp giới tức là một pháp hội. Một pháp hội này chẳng động mà luôn biến hiện khắp, chẳng phân chia mà thường nhiều, trước sau hỗ tương cùng thành tựu, cố sao lại chẳng tin? Nên đại sư Hiền Thủ nói: “Pháp giới duyên khởi, lý số là như nhiên!” Nên suy xét sâu kỹ tự sẽ nhận thấy. Xem chỗ văn giải-thích ấy rõ giống như người đệ tử này đang lúc lắng nghe thì sớm đã không thọ trì lời thầy để suy xét cho sâu. Cho nên văn nơi bản Sở giải tóm kết: “Chẳng tin nơi Sự Sự vô ngại thì e là chưa dốc sức suy xét một cách sâu kỹ !”

